TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A.M** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 62/2017/QĐST - DS V/v: Tranh chấp dân sự hợp đồng "mua bán tài sản"	*A.M, ngày 05 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 103/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Lưu Văn L** (*Cửa hàng vật liệu xây dựng - trang trí nội thất N.T*), sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn T, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang

* *Bị đơn:* 1/ Ông **Trịnh Văn Đ**, sinh năm: 1977

2/ Bà **Lê Bích T**, sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp T.P, xã Đ.T, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lưu Văn L, ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Bích T xác nhận hiện nay ông Đ và bà T còn nợ ông L số tiền gốc là 68.148.000 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

- Ông Lưu Văn L, ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Bích T thống nhất cách trả nợ như sau:

+ Lần 1: Vào ngày 30/7/2017 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 2: Vào ngày 30/8/2017 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 3: Vào ngày 30/9/2017 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 4: Vào ngày 30/10/2017 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 5: Vào ngày 30/11/2017 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 6: Vào ngày 30/12/2017 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 7: Vào ngày 30/01/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 8: Vào ngày 28/02/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 9: Vào ngày 30/3/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 10: Vào ngày 30/4/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 11: Vào ngày 30/5/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 12: Vào ngày 30/6/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 13: Vào ngày 30/7/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

+ Lần 14: Vào ngày 30/8/2018 ông Đ, bà T trả cho ông L số tiền là 3.148.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi tám nghìn đồng), là hết nợ.

Hai bên tự giao nhận hoặc giao nhận tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp, ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Bích T vi phạm thời gian trả tiền thì ông Lưu Văn L có quyền yêu cầu thi hành án một lần đối với số tiền còn lại.

Kể từ ngày ông Lưu Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trịnh Văn Đ và bà Lê Bích T không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng ông bà còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí có giá ngạch:** Ông Lưu Văn L tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí là 1.703.700 đồng (*Một triệu bảy trăm lẻ ba nghìn bảy trăm đồng*) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp số tiền 1.703.700 đồng (*Một triệu bảy trăm lẻ ba nghìn bảy trăm đồng*) theo biên lai thu số 0000331 ngày 19/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.M, tỉnh Kiên Giang. Vậy ông L không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND cùng cấp.
- Lưu HS vụ án

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Lình